

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 66/2021/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc “ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

\* Người yêu cầu: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn V, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Bùi Thị T, sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn V, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn N và chị Bùi Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M (Nay là thị xã M) ngày 28 tháng 3 năm 2018. Anh chị đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh chị đều đăng ký hộ khẩu thường trú, cư trú tại thị xã M; anh N làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã M công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa anh chị; chị T nhất trí yêu cầu của anh N. Vì vậy Tòa án nhân dân thị xã M thụ lý, giải quyết việc dân sự với quan hệ pháp luật là "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự" là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi cưới theo phong tục của địa phương, anh N, chị T về chung sống tại xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên; vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, kinh tế vợ chồng có nhiều khó khăn dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Anh chị đều xác định không thể tiếp tục chung sống

nên thống nhất đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn. Việc anh chị cùng thống nhất yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn là tự nguyện nên Toà án công nhận thuận tình ly hôn đối với anh chị theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị không có con chung nên anh chị đều tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết. Thoả thuận trên của anh chị là hoàn toàn tự nguyện nên được Toà án ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, về nợ, về ruộng nông nghiệp, công sức: Anh chị thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết; thoả thuận trên của anh chị hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình nên Toà án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Bùi Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Bùi Thị T không có con chung, anh chị thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Anh Nguyễn Văn N và chị Bùi Thị T thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết.

**2. Về lệ phí:** Anh Nguyễn Văn N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng anh N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số 0004430 ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M. Anh N đã nộp đủ tiền lệ phí.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**THẨM PHÁN**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thị xã M;
- Chi cục T.H.A DS thị xã M;
- Phòng KTNVTHA - TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã H.
- Lưu hồ sơ.

**NGUYỄN THỊ OANH**

